

Số: 807/BC-CTP

Hải Phòng, ngày 20 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

**Tài liệu trình bày tại Hội nghị viên chức, người lao động
năm học 2024-2025 của trường THPT chuyên Trần Phú**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29/8/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Công văn số 2941/SGDĐT-KTKĐ ngày 24/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Quy định về công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2022; Quyết định số 4288/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND thành phố về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách năm 2023, 2024; Quyết định số 2431/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND thành phố về việc phân bổ kinh phí trang thiết bị trường học năm 2023; Quyết định số 3404/QĐ-UBND ngày 24/10/2023 của UBND thành phố về việc phân bổ và phê duyệt kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở; Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 03/11/2023; Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 29/11/2023; Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 về việc phân bổ kinh phí bổ sung năm 2023, 2024;

Căn cứ Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 11/9/2023; Quyết định số 4842/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 05/8/2024 của UBND thành phố về việc phân bổ và phê duyệt kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 và Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Quyết định số 4362/QĐ-UBND ngày 11/12/2023; Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của UBND thành phố về việc hỗ trợ học phí năm học 2023 - 2024 theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Trường THPT chuyên Trần Phú báo cáo công khai quyết toán tài chính năm học 2023-2024 tại đơn vị một số vấn đề chủ yếu sau:

1. Công khai quyết toán nguồn Ngân sách nhà nước năm học 2023-2024

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Ngân sách Nhà nước		Tổng cộng
		Tự chủ	Không tự chủ	
1	Dự toán năm học trước chuyển sang	9.105.071.188	16.611.778.000	25.716.849.188
2	Dự toán được cấp trong năm học	36.139.936.600	38.464.899.750	74.604.836.350
	Dự toán cấp đầu năm	36.139.936.600	26.304.950.000	62.444.886.600
	Dự toán cấp bổ sung trong năm		12.159.949.750	12.159.949.750
3	Dự toán đã sử dụng trong năm học	34.039.047.623	41.910.407.070	75.949.454.693
	Tiền lương, phụ cấp lương...	21.581.761.245	2.102.778.041	23.684.539.286
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	245.211.300		245.211.300
	Các khoản đóng góp	3.358.331.339	294.142.302	3.652.473.641
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		13.499.825.000	13.499.825.000
	Thanh toán dịch vụ công cộng	986.138.534		986.138.534
	Vật tư văn phòng	586.022.640	21.585.320	607.607.960
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	182.946.269		182.946.269
	Hội nghị	55.879.000		55.879.000
	Chi phí các đoàn đi công tác (đoàn ra, đoàn vào...)	251.960.000	1.667.614.789	1.919.574.789
	Chi phí thuê mướn	1.915.371.600	538.177.600	2.453.549.200
	Mua sắm, sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	425.178.202	3.459.282.600	3.884.460.802
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	411.288.429	11.290.019.892	11.701.308.321
	Chi khác	139.623.060	3.821.265.640	3.960.888.700
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	39.627.000	3.906.000	43.533.000
	Tiền thưởng	104.940.000		104.940.000
	Chi hội, họp, tặng quà ngày lễ, tết...(chi CNTT)	591.832.405		591.832.405

STT	Nội dung	Ngân sách Nhà nước		Tổng cộng
		Tự chủ	Không tự chủ	
	<i>Các khoản thanh toán khác cho cá nhân</i>	3.162.936.600	5.211.809.886	8.374.746.486
4	Dự toán hủy trong năm		199.327.000	199.327.000
5	Dự toán còn lại chuyển năm học sau (5=1+2-3-4)	11.205.960.165	12.966.943.680	24.172.903.845

2. Công khai quyết toán nguồn hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ năm học 2023-2024

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Học phí	Học thêm, dạy thêm	Khác	Tổng cộng
1	Số dư năm học trước chuyển sang	1.529.679.983	566.911.381	441.775.566	2.538.366.930
2	Số được cấp/thu trong năm học	3.635.000.000	12.751.864.000	970.220.536	17.357.084.536
	<i>Học phí</i>	3.635.000.000			3.635.000.000
	<i>Học thêm, dạy thêm</i>		12.751.864.000		12.751.864.000
	<i>Trông coi xe cho học sinh</i>			840.050.000	840.050.000
	<i>Lãi tiền gửi</i>			10.170.536	10.170.536
	<i>Thu khác (dịch vụ căng tin, phòng photo...)</i>			120.000.000	120.000.000
3	Số đã sử dụng trong năm học	4.827.726.770	12.906.603.981	836.723.293	18.571.054.044
	<i>Tiền lương, phụ cấp lương...</i>	1.616.753.871	96.633.342		1.713.387.213
	<i>Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng</i>	164.637.690	24.313.712		188.951.402
	<i>Các khoản đóng góp</i>	162.605.927	77.270.208		239.876.135
	<i>Thanh toán dịch vụ công cộng</i>	80.331.696	73.836.341		154.168.037
	<i>Vật tư văn phòng</i>	286.332.120	29.340.000		315.672.120
	<i>Thông tin, tuyên truyền, liên lạc</i>	46.910.000	5.600.000		52.510.000
	<i>Hội nghị</i>	7.151.600			7.151.600
	<i>Chi phí các đoàn đi công tác (đoàn ra, đoàn vào...)</i>	434.712.149	29.480.000		464.192.149

STT	Nội dung	Học phí	Học thêm, dạy thêm	Khác	Tổng cộng
	Chi phí thuê mướn	193.825.200	98.348.880	566.440.000	858.614.080
	Mua sắm, sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	276.266.857	483.348.280	71.067.000	830.682.137
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	1.354.033.780	9.622.972.168		10.977.005.948
	Chi khác	201.036.880	385.905.954	3.219.569	590.162.403
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	3.129.000			3.129.000
	Tiền thưởng		88.900.000		88.900.000
	Phúc lợi tập thể		903.388.398		903.388.398
	Chi hội, họp, tặng quà ngày lễ, tết...		472.267.595		472.267.595
	Chi thực hiện nghĩa vụ với NSNN (nộp thuế)		513.892.240	99.913.173	613.805.413
	Trích lập nguồn cải cách tiền lương (40%) từ hoạt động SXKD, DV		1.106.863	96.083.551	97.190.414
4	Số còn lại chuyển năm học sau (4=1+2-3)	336.953.213	412.171.400	575.272.809	1.324.397.422

3. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng, hỗ trợ kinh phí đối với người học năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
1	Đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập		4.950.000	Theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ
	Học kỳ I năm học 2023-2024	2	2.200.000	
	Học kỳ II năm học 2023-2024	2	2.750.000	
2	Đối tượng được hỗ trợ học phí		2.346.500.000	Theo Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND thành phố Hải Phòng

STT	Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
	Học kỳ I năm học 2023-2024	2.093	1.046.500.000	
	Học kỳ II năm học 2023-2024	2.080	1.300.000.000	
3	Đối tượng được cấp học bổng		5.175.750.000	Theo Nghị quyết 06/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng
	Học kỳ I năm học 2023-2024	1.533	2.299.500.000	
	Học kỳ II năm học 2023-2024	1.534	2.876.250.000	
4	Đối tượng được hỗ trợ kinh phí (hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội...)		45.360.000	Theo Nghị quyết 06/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng
	Học kỳ I năm học 2023-2024	4	20.160.000	
	Học kỳ II năm học 2023-2024	4	25.200.000	
5	Đối tượng được hỗ trợ tiền thuê nhà ở gần trường trong thời gian chưa có ký túc xá cho học sinh tại trường		2.557.800.000	Theo Nghị quyết 06/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng
	Học kỳ I năm học 2023-2024	158	1.132.800.000	
	Học kỳ II năm học 2023-2024	159	1.425.000.000	

4. Công khai quỹ phúc lợi năm học 2023-2024

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư năm học trước chuyển sang	516.588.972	
2	Số thu trong năm học	1.323.186.400	
	Học thêm, dạy thêm (10% tổng thu)	1.275.186.400	
	Thu dịch vụ khác (40% tổng thu)	48.000.000	
3	Số đã sử dụng trong năm học	1.464.555.993	
	Tiền thưởng	88.900.000	
	Khám sức khỏe, mua bảo hiểm toàn diện	141.610.000	
	Chi hội, họp, tặng quà ngày lễ, tết...	472.267.595	
	Chi tham quan học tập hè, du xuân...	307.390.000	
	Chi khác (viếng đám ma, tặng quà các đơn vị nhân ngày thành lập, ủng hộ kinh phí các tổ chức, 30% phụ cấp ưu đãi, liên hoan tiếp xúc...)	454.388.398	

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
4	Số còn lại chuyển năm học sau (4=1+2-3)	375.219.379	

Trên đây là tình hình công khai báo cáo tài chính năm học 2023-2024 của trường THPT chuyên Trần Phú được báo cáo trước Hội nghị viên chức, người lao động biết./.

Nơi nhận:

- Báo cáo trước HNVC, NLD năm học 2024-2025;
- Hiệu trưởng THPT chuyên Trần Phú (để báo cáo);
- Đăng tải website trường THPT chuyên Trần Phú;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG *11*



Đoàn Thái Sơn

